

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH HƯNG  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/DS-ST

Ngày: 30-8-2024

V/v“Tranh chấp về hụi”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Viết Tuấn

Ông Huỳnh Hoàng Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:  
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1978 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Ông V có mặt; bà H vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phan Thị Thùy T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Có đơn xin vắng mặt.

**Người làm chứng:** Bà Đường Thị Ngọc T1, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Trường G trình bày:

Từ năm 2020 đến 2023, ông G có tham gia 02 dây hội vụ 10.000.000 đồng do bà Phạm Thị H làm đầu thảo, hội đang hoạt động bình thường thì bà H tự ý ngưng khai hội nên ông G khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V liên đới trả lại tiền hội đã đóng, cụ thể:

1. Dây hội vụ 10.000.000đồng, 01 năm khai 02 lần (đông xuân khoảng tháng 02 âm lịch và hè thu khoảng tháng 5, tháng 6 âm lịch) bắt đầu khai vụ hè thu 2020, gồm 12 phần. Tên ông G trong danh sách hội bà H ghi là D, đóng hội được 06 lần với số tiền 36.700.000đồng, đây này H không đưa danh sách hội, sau này danh sách hội của bà Đường Thị Ngọc T1 ghi lại số tiền đóng hội cụ thể: Lần 01 đóng vào hè thu 2020 với số tiền 6.200.000đồng; Lần 2 đóng vào vụ đông xuân 2021 với số tiền 5.700.000đồng; Lần 03 đóng vào hè thu 2021 với số tiền 6.000.000đồng; Lần 4 đóng vào vụ đông xuân 2022 với số tiền 6.700.000đồng; Lần 05 đóng vào vụ hè thu 2022 với số tiền 5.600.000đồng; Lần 06 đóng vào đông xuân 2023 với số tiền 6.500.000đồng.

2. Dây hội vụ 10.000.000đ, 01 năm khai 02 lần (đông xuân khoảng tháng 02 âm lịch và hè thu khoảng tháng 5, tháng 6 âm lịch) bắt đầu khai vụ đông xuân 2023, gồm 12 phần. Tên tôi trong danh sách hội là 3 T (là ghi tên của mẹ ông G), đóng hội được 02 lần với số tiền 11.000.000đồng, đây này bà H không đưa danh sách hội và ông G có mượn bà Đường Thị Ngọc T1 ghi lại số tiền đóng hội cụ thể: Lần 01 đóng vào đông xuân 2023 với số tiền 5.800.000đồng; Lần 2 đóng vào vụ hè thu 2023 với số tiền 5.200.000đồng.

Theo đơn khởi kiện ban đầu, do ghi số tiền đóng hội chưa chính xác nên ông G yêu cầu bà H và ông V1 liên đới trả 57.000.000 đồng. Nay ông G thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Ông G yêu cầu bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ liên đới trả lại tiền hội ông đã đóng của 02 dây hội là 47.700.000 đồng. Không yêu cầu tiền lãi.

Ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông V với bà H là vợ chồng hợp pháp. Ông V biết bà H có mở nhiều dây hội có nhiều người tham gia, bà H có sổ hội theo dõi các dây hội và ông V đã nộp cho Tòa án trong quá trình các hội viên khởi kiện. Trước yêu cầu của ông G, ông V xác nhận ông G có tham gia 02 dây hội vụ 10.000.000 đồng như ông G và bà T trình bày, ông V đồng ý liên đới cùng bà H trả lại cho ông G số tiền hội đã đóng của 02 dây hội là 47.700.000 đồng.

Bà Phạm Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trường G.

Bà Phan Thị Thùy T trình bày: Bà là mẹ ruột của Nguyễn Trường G, bà có đi khai hội và đóng hội giùm ông G 02 dây hội vụ 10.000.000 đồng như ông G trình bày, bà H không đưa danh sách hội và tên trong danh sách hội bà H có ghi tên bà là 3 T nhưng thực tế là hội của G. Bà T không có yêu cầu gì trong vụ án.

Bà Đường Thị Ngọc T1 trình bày: Bà T1 có tham gia nhiều dây hụi do bà H làm đầu thảo. Bà T1 xác nhận ông G có tham gia 02 dây hụi vụ 10.000.000 đồng chung với bà, ông G có xin bà danh sách hụi và số tiền ông G yêu cầu là đúng với sổ sách ghi chép của bà. Mỗi lần đóng hụi cho bà H thì bà T1 đều ghi vào cuốn sổ riêng để theo dõi chính xác số tiền hụi đã đóng.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Văn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị H chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2024, biên bản ghi lời khai ngày 25/6/2024 ông Nguyễn Trường G yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H trả số tiền hụi ông đã đóng hụi là 57.000.000 đồng. Không yêu cầu lãi suất. Tại phiên tòa, ông G có điều chỉnh lại số tiền: Yêu cầu ông V, bà H trả số tiền 47.700.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn bà Phạm Thị H vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông V1, bà H trả 47.700.000 đồng tiền hụi đã đóng: Ông G đã cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh dây hụi vụ 10.000.000đồng khai vụ đông xuân 2023, gồm 12 phần. Tên trong danh sách hụi là 3 T (là ghi tên mẹ ông G) nhưng ông G là người chơi hụi, đóng hụi được 02 lần với số tiền 11.000.000đồng; Dây hụi vụ 10.000.000đồng, bắt đầu khai vụ hè thu 2020, gồm 12 phần. Tên trong danh sách hụi là D, đóng hụi được 06 lần với số tiền 36.700.000đồng.

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì cách thức tham gia hụi do bà Phạm Thị H làm thảo hụi không lập thành văn bản, khi bỏ thăm hốt hụi, đóng hụi cũng không có ký tên; bà H chỉ lập danh sách thành viên tham gia dây hụi và thông báo đến các hụi viên về số lượng thành viên tham gia, số phần trong dây hụi, số tiền cần đóng, các hụi viên không cần trực tiếp tham gia bỏ hụi với nhau mà tất cả các thông tin đều do bà H điện thoại thông báo. Đối chiếu sổ hụi do bà H, bà T1 lập và lời trình bày của người làm chứng (bà T1) cùng tham gia chung dây hụi với nguyên đơn nhận thấy lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Văn V: Ông V là chồng bà H, thời gian bà H làm chủ thảo hụi thì giữa ông V và bà H vẫn còn là hôn nhân hợp pháp. Việc bà H làm thảo hụi ông V có biết và ông cũng biết ông G có tham gia hụi do vợ ông làm đầu thảo. Trước yêu cầu của nguyên đơn, ông V đồng ý cùng bà H trả nợ nên yêu cầu của nguyên đơn buộc ông V trả nợ cùng bà H là có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên căn cứ Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, 471 của BLDS năm 2015; Điều 27 Luật HNGĐ; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, họ, hiệu, hiệu, phường đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về họ”. Bị đơn Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H cư trú tại ấp X, xã V, huyện V nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà Phạm Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Trường G yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H liên đới trả lại tiền họ đã đóng là 57.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Tại phiên tòa, ông G thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông V và bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông G số tiền 47.700.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Xét thấy việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu là quyền tự định đoạt của đương sự và nằm trong phạm vi đơn khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Nguyên đơn ông Nguyễn Trường G khởi kiện ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H và cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm danh sách họ, bảng kê số tiền họ đã đóng, phù hợp với sổ họ của bà H, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cũng như sự thừa nhận của ông Nguyễn Văn V. Theo đó thể hiện số tiền họ ông Nguyễn Trường G đã đóng cho bà Phạm Thị H lần lượt là: Dây họ vụ 10.000.000 đồng khai vụ đông xuân 2023, gồm 12 phần. ông G tham gia 01 phần và đóng được 02 lần với số tiền 11.000.000 đồng; Dây họ vụ 10.000.000 đồng khai vụ hè thu 2020, gồm 12 phần. Ông G đóng họ được 06 lần với số tiền 36.700.000 đồng. Tổng số tiền ông G đã đóng cho bà H đối với 02 dây họ là 47.700.000 đồng.

[3.3] Xét thấy, việc tổ chức chơi họ chỉ theo tập quán ở địa phương và dựa vào niềm tin, việc tham gia họ, giao tiền đóng họ không thể hiện bằng biên nhận hay văn bản rõ ràng mà chỉ nói miệng với nhau hoặc tự ghi sổ theo dõi, tuy nhiên số tiền họ nguyên đơn đã đóng cho bà H là phù hợp với các tài liệu,

chứng cứ khác có trong hồ sơ, bà H là đầu thảo tự ý ngưng khai hội nên hội viên yêu cầu trả lại tiền hội đã đóng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.4] Về thực hiện nghĩa vụ liên đới: Do bà H và ông V là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn, quá trình bà H làm đầu thảo nhiều dây hội thì ông V đều biết và bà H sử dụng tiền hoa hồng của chủ thảo để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên việc nguyên đơn yêu cầu ông V có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả lại tiền hội là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3.5] Về tiền lãi: Do ông G không yêu cầu về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biêu, phường; nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 357, 468 và 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Tranh chấp về hội với bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V.

Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Trường G số tiền 47.700.000 đồng (bốn mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn chậm trả tiền cho nguyên đơn thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

2. Về án phí:

Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V phải liên đới chịu 2.385.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Trường G 1.425.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai thu tiền số 0002439 ngày 17/01/2024.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Yên Linh**